

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2019

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.**

2/ Bà Hoàng Thị Lợi.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thu Thảo.**

Cán bộ Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:

Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXX ngày 10/6/2019. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1967; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tiểu khu 6, xã C, huyện M, Tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Ngọc S - Sinh năm 1963; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn T, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2019, các lời khai bổ sung tại Tòa án, bà Nguyễn Thị H - Nguyên đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Bà và ông Đoàn Ngọc S đăng ký kết hôn ngày 28/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, Tỉnh Sơn La là tự nguyện, không bị ai ép buộc, trước đó ông bà đã chung sống như vợ chồng tại C và đã có một con chung. Sau đó ông S về quê tại xã V sống, đến năm 2014 ông S lại quay lại xã C và ông bà lại chung sống với nhau và đăng ký kết hôn. Đến năm 2016 ông S lại bỏ về xã V ở. Trong cuộc sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không còn trách nhiệm tình cảm với nhau, không có liên lạc quan tâm đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên bà xin được ly hôn ông S.

- Về con chung: Vợ chồng ông bà có 01 con chung là Đoàn Ngọc H, sinh ngày 21/3/2002. Hiện nay cháu đang ở với bà. Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 15/4/2019 tại Tòa án, ông Đoàn Văn S – bị đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Về thời gian và điều kiện kết hôn của ông bà đúng như bà H đã trình bày. Trước khi kết hôn ông bà đã chung sống và có một con gái từ năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn T, xã V một thời gian. Sau thời gian sống chung vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, quan điểm sống khác nhau, không hợp trong mọi việc. Nay bà H xin ly hôn ông cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung đúng như bà H đã trình bày. Hiện nay cháu đang sống cùng mẹ tại địa chỉ của mẹ cháu. Sau khi ly hôn ông đồng ý để bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông không đề nghị Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông S có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

+ Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn ông Đoàn Văn S vì bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Ngọc H, sinh ngày 21/3/2002. Hiện nay cháu đang ở với bà. Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay bà đang làm ruộng, thu nhập bình quân được khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông Đoàn Văn S đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông S đã có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 28/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, Tỉnh Sơn La, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2014 quyền số 01/2014 ngày 28/5/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà xảy ra mâu thuẫn, bà H có đơn xin ly hôn với ông S, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Trước khi kết hôn thực tế ông bà đã chung sống với nhau như vợ chồng và đã sinh 01 con chung từ năm 2002. Sau khi kết hôn bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn S chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách vợ chồng không phù hợp nhau, hay bất đồng trong quan điểm, cách sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Ông S cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau, không hợp nhau trong mọi việc, bà H xin ly hôn ông cũng đồng ý.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông S là có thực, ông bà không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện quan hệ vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc bà H ông S cùng nhất trí thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà H, ông S có 01 con chung là Đoàn Ngọc H sinh ngày 21/3/2002. Hiện đang nay cháu có sức khỏe bình thường và đang ở cùng với bà H tại tiểu khu 6, xã C, huyện Mộ, tỉnh Sơn La.

Sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung, cháu H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, ông S cũng đồng ý để bà H trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung. Xét thấy việc thỏa thuận trên của ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Đoàn Ngọc H cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 6/2019 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H tự nguyện không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự tự nguyện của bà H không trái qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông S không đề nghị Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Do vậy nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông S cho đến khi bà H có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn S.

2. Về con chung: Xác nhận bà H, ông S có 01 con chung là Đoàn Ngọc H, sinh ngày 21/3/2002. Giao cháu H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6/2019 cho đến khi con trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông S cho đến khi bà H có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008228 ngày 09/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

5. Bà Nguyễn Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Đoàn Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS Đông Anh;
- THA Đông Anh;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã C, H, M, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Huyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Huyền

